



Kỳ 1 - tháng 4 (số 237)
2023

Tạp chí **Nghiên cứu** **TÀI CHÍNH KẾ TOÁN** **JOURNAL OF FINANCE AND ACCOUNTING RESEARCH**

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH - BỘ TÀI CHÍNH

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2020 - 2022 VÀ DỰ BÁO NĂM 2023

**QUY TẮC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ
THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ VÀ HÀM Ý VỚI VIỆT NAM**

Tạp chí Nghiên cứu TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. NGND NGUYỄN TRỌNG CƠ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. NGƯT TRƯƠNG THỊ THỦY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

GS.TS. NGND NGÔ THẾ CHI

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

GS.TS. NGND VŨ VĂN HÓA

GS.TS. NGƯT NGUYỄN ĐÌNH ĐỖ

GS.TS. NGƯT ĐOÀN XUÂN TIẾN

GS.TS. ĐINH VĂN SƠN

GS. TRẦN VĂN NHUNG

GS. JON SIBSON

GS. NICK HAND

PGS.TS. NGƯT PHẠM NGỌC ÁNH

PGS.TS. NGƯT PHẠM VĂN ĐĂNG

PGS.TS. NGƯT PHẠM VĂN LIÊN

PGS.TS. NGƯT NGUYỄN VŨ VIỆT

PGS.TS. NGND TRẦN XUÂN HẢI

PGS.TS. NGƯT HOÀNG TRẦN HẬU

PGS.TS. NGƯT NGUYỄN THỊ THƯƠNG HUỖN

PGS.TS. NGUYỄN BÁ MINH

PGS.TS. LƯU ĐỨC TUYÊN

PGS.TS. BÙI VĂN VÂN

TS. NGUYỄN VIỆT LỢI

TS. NGUYỄN THỊ LAN

PGS.TS. NGUYỄN MẠNH THIỀU

THƯ KÝ TÒA SOẠN

ThS. NGUYỄN THỊ THANH HUỖN

ĐT: 0904755576

TRỊ SỰ

PGS.TS. NGÔ THANH HOÀNG

TÒA SOẠN

SỐ 58 LÊ VĂN HIẾN

QUẬN BẮC TỪ LIÊM - HÀ NỘI

Điện thoại: 024.32191967

E-mail: tapchinctckt@hvtc.edu.vn

Website: https://tapchinctckt@hvtc.edu.vn

TÀI CHÍNH VĨ MÔ

5 Kinh tế Việt Nam giai đoạn 2020-2022 và dự báo năm 2023

GS.TS. Ngô Thế Chi

TS. Ngô Thị Minh

9 Thu hút vốn FDI xanh và hàm ý đối với Việt Nam

TS. Đinh Thị Thu Hương

13 NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

Quy tắc quản trị doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo thông lệ quốc tế và hàm ý với Việt Nam

TS. Nguyễn Hữu Tân

19 Lý thuyết thể chế: Ứng dụng trong nghiên cứu kế toán

TS. Nguyễn Minh Thành

24 Vai trò của kiểm soát nội bộ trong tăng cường hiệu quả hoạt động: Bằng chứng thực nghiệm từ các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh

TS. Vũ Thị Phương Liên

Trần Thị Khánh Linh

Đặng Lê Thu Hiền

29

Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán quản trị chiến lược tại các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

33

PGS.TS. Trần Văn Tùng

Đánh giá sự hài lòng về chất lượng dịch vụ thẻ tín dụng tại

37 Agribank: Trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Trà Vinh

PGS.TS. Nguyễn Hồng Hà

42 Tác động của thể chế đến hiệu ứng lan tỏa từ doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nhà nước đến năng suất lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh cách

46 mạng công nghiệp 4.0

TS. Nguyễn Thị Hồng Nhâm

TS. Lê Thị Hồng Thúy

KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2020-2022 VÀ DỰ BÁO NĂM 2023

GS.TS. Ngô Thế Chi* - TS. Ngô Thị Minh**

Ba năm qua, mặc dù tình hình kinh tế, chính trị Thế giới có nhiều biến động; xung đột quân sự Nga - Ukraina chưa có hồi kết; dịch Covid-19 vẫn chưa được khống chế hoàn toàn. Song kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi và phát triển khả quan. Trong phạm vi bài viết, tác giả phân tích tình hình phát triển kinh tế ba năm 2020-2022 và dự báo cho năm 2023.

• Từ khóa: kinh tế Việt Nam; khu vực kinh tế chủ yếu; dự báo năm 2023.

In the past three years, despite many changes in the world's economic and political situation; the Russian-Ukrainian military conflict has not yet ended; The Covid-19 epidemic has not been completely controlled. However, Vietnam's economy has recovered and developed positively. Within the scope of the article, the author analyzes the three-year economic development situation of 2020-2022 and forecasts for 2023.

• Keywords: Vietnam's economy; main economic sectors; forecast in 2023.

Ngày nhận bài: 10/3/2023

Ngày gửi phân biện: 12/3/2023

Ngày nhận kết quả phân biện: 30/3/2023

Ngày chấp nhận đăng: 01/4/2023

Việt Nam, thời gian qua đã tham gia tích cực vào quá trình hội nhập quốc tế thông qua các hoạt động kết nối với ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản... tham gia sâu vào các thể chế quốc tế lớn như Tổ chức Thương mại Thế giới, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU, đặc biệt là tham gia Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Từ việc tham gia liên kết khu vực và quốc tế kéo theo nhiều hình thức liên kết kinh tế mới, giúp cho việc tăng cơ hội tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu. Chính điều này có tác động rất lớn đến các hoạt động phối hợp, liên kết giữa các địa phương các ngành kinh tế trong cả nước. Các ngành, các địa phương có nhiều thuận lợi về giao lưu kinh tế

và hội nhập quốc tế, là những nơi có thế mạnh khi hội nhập, khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tiếp nhận chuyển giao công nghệ, thuận lợi trong xuất, nhập khẩu hàng hóa. Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta cũng chịu sức ép cạnh tranh trực tiếp và gay gắt không chỉ từ các quốc gia phát triển mà còn cả với các quốc gia tương đồng. Hội nhập kinh tế đòi hỏi các từng địa phương và từng Bộ, ngành phải nắm được những thế mạnh, tiềm năng, sự khác biệt của từng nơi để trên cơ sở đó có sự sắp xếp và phân công lao động một cách hợp lý nhằm phát triển bền vững.

Theo số liệu từ Liên Hợp quốc, tính đến ngày 02/3/2023, tổng dân số là 99.452.620 người, chiếm 1,24% dân số thế giới và đang đứng thứ 15 thế giới trên bảng xếp hạng dân số các nước và vùng lãnh thổ, mật độ dân số 319 người/ km². Diện tích mặt đất của nước ta hiện nay là 310.070 km². Độ tuổi trung bình của dân số Việt Nam là 33,7 tuổi. Dự kiến đến hết năm 2023 dân số Việt Nam sẽ là 100.059.299 người. Tỷ lệ giới tính là 0,997 (997 nam trên 1.000 nữ).

Theo Tổng cục Thống kê năm 2022 lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 51,7 triệu người, tăng 1,1 triệu người so với năm 2021; số lao động đang làm việc trong độ tuổi là 50,6 triệu người, tăng 1,5 triệu người so với 9 tháng đầu năm 2021. Đây là nguồn nhân lực quan trọng cho phát triển kinh tế của Việt Nam.

Hệ thống chính sách phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam luôn được Đảng và Chính phủ quan tâm trong từng giai đoạn phát triển của đất nước; mỗi

* Trường Đại học kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

** Trường ĐH Công nghệ Đông Á

kỳ Đại hội của Đảng đều đưa ra các chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phù hợp và thường xuyên có sự chỉnh sửa, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đòi hỏi.

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng là một trong những điều kiện căn bản để Việt Nam có nhiều cơ hội, tăng thêm nguồn lực bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội; hàng năm nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam ngày càng đáp ứng được yêu cầu cả về số lượng và chất lượng; nhiều chương trình hợp tác quốc tế đem lại lợi ích to lớn cho các bên liên quan. Đây là những nguồn lực quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

Thực trạng phát triển kinh tế Việt Nam giai đoạn 2020-2022

Tăng trưởng của các khu vực kinh tế chủ yếu

• Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng

Năm 2020, trong tăng trưởng chung của nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng đạt tốc độ cao nhất với 3,98%, đóng góp 1,2 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ chốt, dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 5,82%, đóng góp 1,25 điểm phần trăm. Chỉ số sản xuất công nghiệp của một số ngành như sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; sản xuất kim loại, sản xuất than cốc; sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng với tốc độ tương ứng là 27,1%, 14,4%, 11,4% và 11,3%, góp phần đưa ngành sản xuất chế biến, chế tạo tăng trưởng khả quan trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát mạnh, làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tính chung năm 2021, giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp tăng 4,82% so với năm 2020, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,37%, đóng góp 1,67 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,5%.

Năm 2022 kinh tế Việt Nam đã có những bước phục hồi, tăng trưởng khá thành công so với các nước trong khu vực, nhất là khu vực châu Á. Tuy nhiên, cùng với cả thế giới, kinh tế Việt Nam phải đối đầu với những biến động khó lường như

xung đột quân sự Nga - Ukraina dẫn đến nhiều hệ lụy ảnh hưởng tiêu cực đến các nền kinh tế trên thế giới, trong đó có Việt Nam; việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu do đại dịch Covid-19, sự tăng vọt của giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào... Song, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách phù hợp, đặc biệt là thực hiện khẩu hiệu vừa chống dịch vừa phục hồi sản xuất kinh doanh, thực hiện mục tiêu kép, kinh tế đã có bước phục hồi tích cực. GDP tăng ở mức 8,02% so với năm 2021; quy mô đạt 9.513 triệu tỷ đồng, tương đương 409 tỷ USD, GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành năm 2022 đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021; năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2022 theo giá hiện hành đạt 188,1 triệu đồng/1 lao động, tương đương 8.083 USD, tăng 622 USD so với năm 2021. Theo giá so sánh, năng suất lao động năm 2022 tăng 4,8% do trình độ của người lao động được cải thiện. Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2022 là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,1%, đóng góp 2,09 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,45%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,05%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 5,19%, đóng góp 0,17 điểm phần trăm; ngành xây dựng tăng 8,17%, đóng góp 0,59 điểm phần trăm;

• Khu vực vực nông, lâm nghiệp và thủy sản

Năm 2020, trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, sản lượng một số cây lâu năm, sản phẩm chăn nuôi chủ yếu và sản phẩm tôm tăng khá đã đưa tốc độ tăng của khu vực này đạt 2,68%, cao hơn năm 2019 (năm 2019 là 2,01%). Mặc dù thế vàng EC trong khai thác thủy sản chưa được gỡ bỏ và tình hình dịch covid-19 diễn biến phức tạp nhưng kết quả tăng trưởng của khu vực này rất khả quan với sự nỗ lực đổi mới cơ cấu cây trồng, mùa vụ. Trong đó ngành nông nghiệp tăng 2,55% (tăng hơn năm 2019 là 1,64%); ngành lâm nghiệp tăng 2,82% (giảm so với năm 2019 là 2,16%)

và ngành thủy sản tăng 3,08% (giảm so với năm 2019 là 3,22%).

Năm 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế; kết quả hoạt động của ngành nông nghiệp đã thể hiện rõ vai trò “trụ đỡ” của nền kinh tế, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, là cơ sở quan trọng cho việc thực hiện an sinh xã hội trong bối cảnh đại dịch covid-19 và tình hình thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng.

Về lâm nghiệp, diện tích trồng rừng mới đạt gần 280 nghìn ha, tăng 2,8% so với năm 2020; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 99 triệu cây, tăng 3%; sản lượng gỗ khai thác đạt 18,1 triệu m³, tăng 5,4%. Về thủy sản, tổng sản lượng thủy sản đạt gần 9 triệu tấn, tăng 1% so với năm 2020; sản lượng thủy sản khai thác đạt gần 4 triệu tấn, tăng hơn 0,9% so với năm 2020.

Năm 2022, khu vực nông, lâm thủy sản tiếp tục tăng mạnh 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế. Riêng ngành nông nghiệp tăng 2,88%, đóng góp 0,27 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 6,13%. Đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 4,43%, đóng góp 0,12 điểm phần trăm.

• *Khu vực thương mại, dịch vụ*

Trong 6 tháng đầu năm 2020, khu vực dịch vụ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, sau đó đã có sự phục hồi với tốc độ tăng 6 tháng cuối năm đạt 6,2% đưa lĩnh vực thương mại trong nước cả năm tăng 2,6%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của một số ngành dịch vụ thị trường như bán buôn và bán lẻ tăng 5,53% so với năm trước, đóng góp 0,61 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,87%, đóng góp 0,46%; ngành vận tải, kho bãi giảm 1,88% làm giảm 0,06 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 14,68% làm giảm 0,62 điểm phần trăm.

Xuất khẩu hàng hóa đạt ở mức cao kỷ lục (19,1 tỷ USD), cán cân thương mại duy trì xuất siêu 5 năm liền. Đặc biệt là xuất khẩu hàng hóa nông sản

tăng mạnh trong bối cảnh đại dịch Covid-19; kim ngạch xuất khẩu gạo lần đầu tiên đạt 3 tỷ USD (tăng 9,3% so với năm 2019); gỗ và sản phẩm gỗ đạt 12.323,3 tỷ USD, tăng 15,7%. Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản lại có xu hướng chững lại, chỉ đạt 8,4 tỷ USD, giảm 1,8% so với năm 2019.

Năm 2021, khu vực này tăng 1,22%, đóng góp 22,23%. Tính chung, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 4.789 nghìn tỷ đồng, giảm 3,8% so với năm 2020, nếu loại trừ yếu tố giá 6,2% (năm 2020 giảm 3%); vận tải hành khách đạt trên 2.387 lượt, giảm 33% so với năm 2020 và luân chuyển 94,7 tỷ lượt khách.km, giảm 42%; vận tải hàng hóa đạt 1.620 triệu tấn, giảm 8,7% so với năm 2020 và luân chuyển 333,4 tỷ tấn.km, giảm 1,8%...

Xuất nhập khẩu tăng khá tốt. Mặc dù đây là năm có biến động rất lớn bởi kinh tế thế giới và trong nước. Song, nhờ có sự chỉ đạo sáng suốt của Chính phủ, sự vào cuộc quyết liệt của các Bộ, ngành và địa phương cùng với sự đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, sự nỗ lực vượt khó của cộng đồng DN... đã giúp duy trì sản xuất và xuất khẩu, với tổng kim ngạch kỷ lục 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 336,25 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2020. Riêng khu vực kinh tế trong nước đạt 88,71 tỷ USD, tăng 13,4%, chiếm 36,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 247,54 tỷ USD, tăng 21,1%, chiếm 73,6%. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu 1 tỷ USD, chiếm 93,8% kim ngạch xuất khẩu (có 8 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu 10 tỷ USD, chiếm 69,7%). Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực năm 2021, gồm: điện thoại các loại và linh kiện chiếm 99,3%, dệt may chiếm 61,7%, giày, dép các loại chiếm 79,3%.

Kim ngạch nhập khẩu đạt 332,25 tỷ USD tăng 26,5% so với năm 2020, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 114,07 tỷ USD, tăng 21,8%; khu vực có vốn nước ngoài đạt 218,18 tỷ USD, tăng 29,1%; có 47 mặt hàng đạt giá trị nhập khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 94,1% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Cán cân thương mại hàng hóa năm 2021 xuất siêu 4 tỷ USD. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 25,36 tỷ USD, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 29,36 tỷ USD.

Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vốn đầu tư của toàn xã hội theo giá hiện hành năm 2021 tăng 3,2% so với năm 2020. Tuy đây là mức tăng thấp trong nhiều năm qua nhưng là kết quả khả quan trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới; thu hút đầu tư nước ngoài phục hồi, vốn đăng ký mới và vốn đăng ký tăng thêm tăng trở lại cho thấy các nhà đầu tư tiếp tục tin tưởng vào môi trường đầu tư của Việt Nam. Năm 2021, vốn đầu tư nước ngoài đạt 2.891,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,2% so với năm 2020, bao gồm: khu vực Nhà nước đạt 713,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,7% tổng vốn và giảm 2,9% so với năm 2020; khu vực ngoài Nhà nước đạt 1.720,2 nghìn tỷ đồng, bằng 59,5% và tăng 7,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 458,1 nghìn tỷ đồng, bằng 15,8% và giảm 1,3%.

Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2021 đạt 19,74 tỷ USD, giảm 1,2% so với năm 2020. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 14,3 tỷ USD, chiếm 72,5% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 2,63 tỷ USD, chiếm 13,3%; sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 1,54 tỷ USD, chiếm 7,8%.

Năm 2022, khu vực thương mại, dịch vụ khôi phục và phát triển mạnh với tốc độ đạt 9,99%, cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Một số ngành dịch vụ thị trường tăng cao, đóng góp nhiều vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế như: ngành bán buôn, bán lẻ tăng 10,15% so với năm 2021, đóng góp 0,97 điểm phần trăm; ngành vận tải kho bãi tăng 11,93%, đóng góp 0,69 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ với mức tăng 40,61%, đóng góp 0,79 điểm phần trăm; hoạt động tài chính ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,03%, đóng góp 0,53 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 7,8%, doanh thu hoạt động viễn thông đạt 333,9 nghìn tỷ đồng, tăng 6,7% so với năm 2021 (nếu loại trừ

yếu tố tăng giá 5,6%), đóng góp 0,5 điểm phần trăm. Vận tải hành khách đạt 3.664,1 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 52,8% so với năm trước; vận tải hàng hóa đạt 2009,6 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 23% so với năm 2021 và luân chuyển 441,3 tỷ tấn.km, tăng 29,4%; doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm tăng 16,2% so với năm 2021, trong đó doanh thu lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ tăng 15,8%, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng 17,3% so với năm 2021.

• Về cơ cấu kinh tế

Năm 2020, khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất với 41,63%, giảm so với năm 2019 là 0,01% (năm 2019 là 0,64%); khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng cao thứ hai với 33,72%, giảm 0,77% so với năm 2019 (năm 2019 là 34,49%); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 14,85%, tăng 0,89% so với năm 2019 (năm 2019 là 13,96%); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,8%, giảm 0,11% so với năm 2019 (năm 2019 là 9,91%).

Năm 2022, tuy khu vực dịch vụ có giảm 0,61% so với năm 2020 (năm 2020 là 41,63%) nhưng vẫn là khu vực chiếm tỷ trọng cao nhất với 40,95%; khu vực công nghiệp và xây dựng vận giữ vị trí thứ hai với tỷ trọng chiếm 37,86%, tăng 4,14% so với năm 2020, (năm 2020 là 33,72%); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 12,36%, giảm so với năm 2020 là 2,49% (2020 là 14,85%); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,83%, giảm 0,97% so với năm 2020 (năm 2020 là 9,8%).

Năm 2022, khu vực dịch vụ vẫn tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất với 41,33%, tăng 0,38% so với năm 2021 (năm 2021 là 40,95%); khu vực công nghiệp và xây dựng vẫn xếp vị trí thứ hai với tỷ trọng chiếm 38,26%, tăng 0,4% so với năm 2021 (năm 2021 là 37,86%); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 11,88%, giảm so với năm 2021 là 0,48% (2021 là 12,36%); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,53%, giảm 0,3% so với năm 2021 (năm 2020 là 8,83%).

Nhìn chung, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển biến tích cực; đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế đạt được nhiều kết quả tích cực, hoàn thành cơ bản mục tiêu đề ra; chất lượng tăng trưởng được nâng lên, kinh tế chuyển dịch theo đúng hướng,

năng suất lao động được cải thiện, huy động vốn đầu tư phát triển tăng, công tác quản lý nợ công, nợ xấu có nhiều tiến bộ; quy mô, tiềm lực cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho những đổi mới và đột phá trong tăng trưởng ở những năm tiếp theo.

Dự báo phát triển kinh tế năm 2023

Năm 2023, tình hình kinh tế, chính trị thế giới vẫn còn nhiều biến động lớn; kinh tế suy giảm; xung đột quân sự Nga-Ukraina vẫn chưa có hồi kết. Việt Nam tiếp tục cam kết thực hiện mạnh mẽ, có hiệu quả chiến lược phát triển bền vững trong thế kỷ 21 thông qua việc ban hành nhiều chủ trương, chính sách lớn, đặc biệt là “Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững”. Đây là căn cứ chiến lược để Việt Nam thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã đề ra mục tiêu: “Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có cơ chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững...”.

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam vẫn có thể tiếp tục duy trì ổn định kinh tế vĩ mô và tiếp tục thúc đẩy các biện pháp tài khóa, tiền tệ giúp cho việc phục hồi tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế sẽ phụ thuộc rất lớn vào tình hình xuất khẩu, khả năng mở rộng thị trường xuất khẩu, cùng với việc tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do và xử lý tốt các rủi ro thương mại- công nghệ giữa các nước siêu cường và xu hướng mất giá của các đồng tiền trong khu vực so với đô la Mỹ.

Báo cáo Triển vọng kinh tế năm 2023 của viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương đưa ra hai kịch bản cập nhật dự báo kinh tế năm 2023. Theo đó, kịch bản 1 cho rằng tăng trưởng kinh tế năm 2023 của Việt Nam có thể đạt mức 6,47%; xuất khẩu tăng 7,21% và thặng dư thương mại đạt 5,64 tỷ USD và lạm phát ở mức 4,08%. Kịch bản 2, dự báo tăng trưởng có thể đạt mức 6,83% (cao hơn kịch bản 1 là 0,36%); xuất khẩu tăng 8,3% (cao hơn kịch bản 1 là 1,09%), thặng dư thương mại đạt 8,15 tỷ USD (cao hơn kịch bản 1 là 2,51%); lạm phát ở mức 3,69% (thấp hơn kịch

bản 1 là 0,39%). Cùng với đó, dự báo về sự phát triển nhanh chóng của thị trường thương mại điện tử và kinh doanh trực tuyến, góp phần giảm chi phí xã hội đáng kể.

Trong khi đó, Ngân hàng Thế giới đánh giá năm 2023, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam dự kiến tăng ở mức 6,3%; tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ sẽ ở mức vừa phải. Động lực tăng trưởng chính từ nhu cầu trong nước, có thể bị ảnh hưởng bởi lạm phát ước tính ở mức cao hơn (trung bình 4,5%), với nhu cầu bên ngoài yếu hơn, đóng góp của xuất khẩu ròng sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng. Theo Giám đốc Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, “Việt Nam còn dư địa để triển khai các giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng, không như nhiều quốc gia khác. Thực hiện hiệu quả dự án đầu tư công trọng điểm là chìa khóa tăng trưởng trong cả ngắn hạn và dài hạn. Đồng thời chính sách tài khóa và tiền tệ phải đồng bộ để đảm bảo hỗ trợ nền kinh tế và đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô hiệu quả”.

Với những kết quả đạt được trong chỉ đạo điều hành nền kinh tế những năm vừa qua, cho thấy tiềm lực kinh tế xã hội của Việt Nam vẫn còn khá lớn, chúng tôi cho rằng, kinh tế Việt Nam năm 2023 vẫn là điểm sáng của Thế giới và khu vực, với mức tăng trưởng có thể đạt ở mức trên 6,5%; thị trường xuất khẩu được mở rộng, xuất khẩu đạt 7,5%, thặng dư thương mại đạt mức 5,8-6,0 tỷ USD; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 3.950-4.000 USD; lạm phát ở mức 4,1%; chỉ số CPI bình quân khoảng 4%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt mức 5,6%...

Tài liệu tham khảo:

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021.
- Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, “Việt Nam còn dư địa để phát triển”.
- Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới năm 2020 ngày 13/10/2020 của IMF
- Tapchinganhang.gov.vn/tong-quan-kinh-te-nam-2022-va-trien-vong-nam-2023.html. (ngày 19/1/2023)
- Tổng cục Thống kê - Tình hình kinh tế-xã hội quý IV và năm 2021
- Tổng cục Thống kê: gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/01/kinh-te-viet-nam-nam-2020-mot-nam-tang-truong-day-ban-linh/
- qndd.vn/kinh-te-tin-tuc/kinh-te-viet-nam-se-tang-truong-the-nao-trong-nam-2023-71633#...